

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 374/2018/TLST-HNGĐ ngày 14/8/2018 giữa:

Nguyên đơn: Ông Uông Đình Ngọc T, sinh năm 1977

Địa chỉ HKTT: B326/80D Đường A, Phường B, Quận C - TP. Hồ Chí Minh.

Địa chỉ tạm trú: 692/57/16/19 Đường A, Phường B, Quận C - Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Bà Lâm Huỳnh N, sinh năm 1979

Địa chỉ HKTT: B326/80D Đường A, Phường B, Quận C - TP. Hồ Chí Minh.

Địa chỉ tạm trú: 692/57/16/19 Đường A, Phường B, Quận C – Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình có hiệu lực thi hành ngày 01/01/2015;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 31 tháng 8 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 31/8/2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Ông Uông Đình Ngọc T và bà Lâm Huỳnh N (Giấy chứng nhận kết hôn số 44, quyển số 01/2000 do Ủy ban nhân dân Phường D, Quận C, TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 01/12/2000).

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể N sau:

2.1. Về con chung: Ông Uông Đình Ngọc T và bà Lâm Huỳnh N xác nhận có hai con chung tên Uông Lâm Như Q, sinh ngày 28/11/2003 và Uông Đình T, sinh ngày 03/11/2006. Hai bên thỏa thuận giao cả hai con chung cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục, cấp dưỡng nuôi con thỏa thuận tự giải quyết.

Ông T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở; Nng ông T không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người đang trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên.

2.2. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung: Hai bên đương sự xác định không có.

2.3. Về án phí: Án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng), ông Uông Đình Ngọc T tự nguyện nộp toàn bộ. Số tiền án phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà ông T đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0009333 ngày 08/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 4, TP. Hồ Chí Minh. Ông Uông Đình Ngọc T được nhận lại 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TPHCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 4;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 4;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Hồ Thị Chơn